TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN HAI BÀ TRƯNG** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2018/DS-ST
Ngày: 21/9/2018
V/v: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HAI BÀ TRƯNG - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Văn Tiến

Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Huyền Nga

2. Bà Dương Thị Thắm

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Huyền Thu - Thư ký Toà án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội *tham gia phiên toà*: Bà Nguyễn Thu Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 21/9/2018, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Hai Bà Trưng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 135/2017/DS-ST ngày 01 tháng 12 năm 2017 về việc: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2018/QĐXX-ST ngày 10 tháng 8 năm 2018; Quyết định hoãn phiên toà số 52/2018/QĐST - DS ngày 27 tháng 8 năm 2018 giữa:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần T; Trụ sở: Số 89 Phố L, Phường LH, Quận Đ, Thành phố Hà Nội; Địa chỉ liên hệ: Tầng 2 Tòa nhà R số 72A đường N, Quận T, Thành phố Hà Nội; Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D - Chủ tịch Hội đồng Quản trị. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Tuấn A – Phó Giám đốc Trung tâm pháp luật ngân hàng, SME và cá nhân (Theo văn bản ủy quyền số 04/2017/UQ - HĐQT ngày 18/01/2017). Người đại diện tham gia tố tụng: Ông Đặng Huy T – Cán bộ xử lý nợ (Theo giấy ủy quyền số 253/2017/UQ-VPB ngày 25/11/2017).

2. Bị đơn: Ông Hoàng Văn Q, sinh năm 1982; Đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Số 38, Hẻm 295/63 ngõ Q, phố T, phường Q, Quận H, Thành phố Hà Nội.

Tại phiên toà có mặt ông T là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn; Vắng mặt bị đơn là ông Hoàng Văn Q.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09/5/2017,các ý kiến trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà hôm nay người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 01/11/2014 ông Hoàng Văn Q và Ngân hàng TMCP T đã ký Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế (bao gồm Giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế), theo đó Ngân hàng T đồng ý phát hành thẻ tín dụng Titannium MasterCard cho ông Hoàng Văn Q với hạn mức 50.000.000đồng mục đích để tiêu dùng cá nhân. Thời hạn vay là: 60 tháng kể từ ngày giải ngân, lãi suất vay: 31%/năm. Quá trình thực hiện hợp đồng ông Q đã thực hiện chi tiêu tính đến nay đã thanh toán cho ngân hàng được 46.640.000đồng. Tính đến ngày 21.9.2018 ông Q còn nợ ngân hàng đối với khoản vay của hợp đồng sử dụng thẻ nêu trên với số tiền nợ gốc là 34.157.547đồng, lãi trong hạn và lã quá hạn là 84.140.072đồng.

Ngày 04/11/2014, ông Hoàng Văn Q và Ngân hàng TMCP T đã ký hợp đồng tín dụng số LD1430800231 với số tiền vay là 45.000.000đồng; thời hạn vay: 36 tháng tính từ ngày giải ngân vốn vay đầu tiên; mục đích sử dụng vốn: Vay mua sắm vật dụng tiêu dùng, lãi suất vay: 30%/năm; Khoản trả hàng tháng theo lịch trả nợ, ngày thanh toán hàng tháng theo lịch trả nợ. Sau khi vay nợ ông Q đã trả ngân hàng số tiền nợ gốc là 9.781.107đồng, tiền lãi là 11.449.935đồng và tiền phạt là 30.817 đồng. Tổng cộng ông Q đã thanh toán là 21.261.859đồng.Tính đến ngày 21.9.2018 ông Q còn nợ ngân hàng đối với khoản vay của hợp đồng tín dụng nêu trên với số tiền nợ gốc là 35.218.893đồng, lãi trong hạn và lã quá hạn là 47.205.719đồng, lãi phạt chậm trả là 34.156.024đồng.

Tổng cộng cả hai khoản nợ nêu trên tính đến ngày 21/9/2018 ông Hoàng Văn Q còn nợ ngân hàng số tiền 234.878.255đồng. (Trong đó nợ gốc là 69.376.440đồng, nợ lãi là 131.345.791đồng, phạt chậm trả là 34.156.024đồng). Phía ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc nhắc nhở ông Q nhưng ông Q không thanh toán tiếp được cho Ngân hàng. Nay ngân hàng yêu cầu ông Q phải thanh toán số tiền còn thiếu nêu trên và yêu cầu tiếp tục tính lãi theo mức lãi suất quy định trong hợp đồng tín dụng đã ký giữa hai bên.

Bị đơn ông Hoàng Văn Q: Toà án đã nhiều lần tống đạt hợp lệ cho ông Q nhưng ông Q không đến Toà án làm việc, do vậy toà án không lấy được lời khai của ông Q. Toà án cùng chính quyền địa phương đến làm việc với bà Hà Thị T là mẹ đẻ của ông Q sinh sống cùng nhà cho biết: Hiện nay bà và con bà là Q đang sinh sống cùng nhà tại địa chỉ số 38 hẻm 295/63 phố T, phường Q, Quận H, Thành phố Hà Nội. Bà Th khẳng định bà đã giao tận tay các văn bản tố tụng của Toà án cho ông Q nhận.

Tại biên bản làm việc ngày 13/4/2017 giữa ngân hàng với ông Q do phía nguyên đơn giao nộp cho Toà án thể hiện ý kiến của ông Q như sau: Ông khẳng

định đã nhận được thông báo về dư nợ hai khoản vay ngân hàng tạm tính đến ngày 13/4/2017 là 129.537.082 đồng. Trong quá trình vay tiền của ngân hàng do ông bị thất thoát tiền hàng, công ty không có việc làm, hiện nay ông làm xe ôm thu nhập không ổn định; do vậy ông xin được trả nợ dần đối với khoản nợ gốc cho ngân hàng với số tiền vay lúc đầu là 45.000.000đồng và thẻ tín dụng là 35.000.000đồng, mỗi tháng trả cho ngân hàng 1.000.000đồng.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà là đã tuân theo pháp luật.

Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn chưa chấp hành các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Toà án chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không chấp nhận đối với yêu cầu lãi phạt của nguyên đơn bởi vì lãi chồng lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngày 10/8/2018 Toà án nhân dân quận Hai Bà Trưng ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2018/QĐXX-ST ấn định phiên toà được mở vào hồi 9 giờ 00 phút ngày 27/8/2018. Quyết định đã được tống đạt hợp lệ cho các đương sự. Tại phiên toà sơ thẩm ngày 27/8/2018 chỉ có mặt người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn; Bị đơn ông Hoàng Văn Q vắng mặt không có lý do. Vì vậy Hội đồng xét xử sơ thẩm căn cứ Khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 quyết định hoãn phiên toà và ấn định phiên toà tiếp theo mở vào hồi 08 giờ 30 phút ngày 21/9/2018. Quyết định hoãn phiên toà đã được tống đạt hợp lệ cho các đương sự theo quy định của pháp luật. Tại phiên toà ngày 21/9/2018 bị đơn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Khoản 1, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền và thời hiệu khởi kiện: Tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa nguyên đơn và bị đơn là hợp đồng cho vay nhằm mục đích tiêu dùng mua sắm đồ dùng gia đình; Nguyên đơn khởi kiện đối với bị đơn về việc đòi tiền cho vay theo Hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp Huyện theo quy định tại Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Toà án nhân dân quận Hai Bà Trưng thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền và còn thời hiệu khởi kiện.

[3] Về yêu cầu của nguyên đơn xét thấy:

Ngày 01/11/2014 ông Hoàng Văn Q và Ngân hàng TMCP T đã ký hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế (bao gồm Giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín quốc tế), theo đó Ngân hàng T đồng ý phát hành thẻ tín dụng Titannium MasterCard cho ông Hoàng Văn Q với hạn mức 50.000.000đồng mục

đích để tiêu dùng cá nhân. Quá trình thực hiện hợp đồng ông Q đã thực hiện chi tiêu tính đến nay đã thanh toán cho ngân hàng được 46.640.000đồng. Tính đến ngày 21.9.2018 ông Q còn nợ ngân hàng đối với khoản vay của hợp đồng sử dụng thẻ nêu trên với số tiền nợ gốc là 34.157.547đồng.

Ngày 04/11/2014, ông Hoàng Văn Q và Ngân hàng TMCP T đã ký hợp đồng tín dụng với số tiền vay là 45.000.000đồng; Tính đến ngày 21.9.2018 ông Q còn nợ ngân hàng đối với khoản vay của hợp đồng tín dụng nêu trên với số tiền nợ gốc là 35.218.893đồng

Xét các hợp đồng tín dụng ký kết giữa nguyên đơn và bị đơn là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội. Do đó, đối với yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả toàn bộ số tiền nợ gốc tính đến ngày 21/9/2018 là có căn cứ nên được chấp nhận cụ thể như sau: Buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ gốc của hai hợp đồng tín dụng nêu trên tính đến ngày 21/9/2018 là: 69.376.440đồng. Về số tiền lãi Ngân hàng yêu cầu ông Q thanh toán là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng *" Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thoả thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng..."*; tại Điều 1 Thông tư số12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của ngân hàng nhà nước Việt Nam quy định *" Tổ chức tín dụng thực hiện cho vay bằng đồng Việt Nam theo lãi suất thoả thuận với khách hàng"*. Do đó mức lãi suất Ngân hàng yêu cầu ông Q thanh toán là có căn cứ, phù hợp với các quy định của pháp luật nên được chấp nhận cụ thể như sau:

Đối với Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ký ngày 01/4/2014 tính đến ngày 21/9/2018 ông Q còn nợ tiền lãi đối với hợp đồng này là 84.140.072đồng.

Đối với hợp đồng tín dụng số LD1430800231 ký ngày 01/11/2014 thì từ ngày 04 tháng11 năm 2014 đến ngày 10 tháng 11 năm 2015 ông Q chỉ mới trả cho Ngân hàng được 11.449.935đồng tiền lãi. Từ đó cho đến nay ông chưa trả cho Ngân hàng tiền gốc và lãi, do vậy khoản nợ của ông chuyển sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 21/9/2018 ông Q còn nợ tiền lãi đối với hợp đồng này là 47.205.719đồng.

Từ ngày 21/7/2015 đến nay ông Q không trả bất kỳ một khoản nợ nào cho ngân hàng nên số tiền còn nợ cụ thể cả hai hợp đồng như sau: Nợ gốc là: 69.376.440đồng; Nợ lãi là: 131.345.791đồng. Tổng cộng: 200.722.231đồng.

Đây là Hợp đồng tín dụng có thỏa thuận lãi trong hạn, lãi quá hạn. Hợp đồng chỉ được kết thúc khi bên vay thực hiện xong các nghĩa vụ thanh toán toàn bộ số nợ gốc và nợ lãi theo thỏa thuận. Do vậy yêu cầu của ngân hàng buộc ông Q phải trả các khoản nợ nêu trên là có căn cứ nên được chấp nhận.

Đối với yêu cầu của nguyên đơn tính lãi phạt theo công thức: Lấy số lãi của từng kỳ trả nợ nhân với 150% lãi trong hạn, nhân với số ngày chậm trả từ ngày 04/11/2015 đến nay đối với hợp đồng tín dụng số LD1430800231 với số tiền lãi phạt là:

34.156.024đồng. Đối với yêu cầu này của phía nguyên đơn là lãi chồng lãi. Do vậy yêu cầu này của nguyên đơn không được chấp nhận.

Do vậy cần buộc ông Hoàng Văn Q phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần T các khoản tiền còn nợ tính đến ngày 21/9/2018 là: 200.722.231đồng (Hai trăm triệu, bảy trăm hai mươi hai nghìn, hai trăm ba mươi mốt đồng).

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận một phần nên nguyên đơn phải chịu án phí đối với phần không được chấp nhận; Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền bị đơn phải trả cho nguyên đơn. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn sau khi đã trừ đi số tiến án phí nguyên đơn phải chịu.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Điều 471; Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Toà án của Uỷ ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

[1] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần T đối với ông Hoàng Văn Q về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

[2] Buộc ông Hoàng Văn Q phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần T các khoản tiền còn nợ của hai Hợp đồng tín dụng tính đến ngày 21/9/2018; Cụ thể: Nợ gốc là: 69.376.440đồng; Nợ lãi là: 131.345.791đồng. Tổng cộng: 200.722.231đồng (Hai trăm triệu, bảy trăm hai mươi hai nghìn, hai trăm ba mươi mốt đồng).

[3] Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn đối với số tiền lãi phạt là 34.156.024đồng (Ba mươi tư triệu, một trăm năm sáu nghìn, không trăm hai tư đồng).

[4] Kể từ ngày 22/9/2018 ông Hoàng Văn Q còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thoả thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thì lãi suất mà ông Hoàng Văn Q phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo quyết định của Tòa

án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

[5] Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu 1.707.800đồng (Một triệu, bảy trăm linh bảy nghìn, tám trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp; Bị đơn ông Hoàng Văn Q phải chịu 10.036.000đồng (Mười triệu, không trăm ba mươi sáu nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn số tiền 1.767.183đồng (Một triệu, bảy trăm sáu bảy nghìn, một trăm tám ba đồng) sau khi đã trừ số tiền án phí sơ thẩm nguyên đơn phải chịu; theo Biên lai số: AC/2015/ 0003335 ngày 18/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng thành phố Hà Nội.

[7] Về quyền kháng cáo: Án xử công khai, sơ thẩm; Ngân hàng Thương mại Cổ phần T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Hoàng Văn Q vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án hợp lệ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- VKSND Q. Hai Bà Trưng;
- Chi cục Thi hành án Q. Hai Bà Trưng;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án;

Phạm Văn Tiến